**KẾ HOẠCH**

**LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

*(Kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 04 năm 2024   
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

|  |  |
| --- | --- |
| [[ChuDauTu\_h]]  **[[DonViMuaSam\_h]]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *[[DiaDanh]], [[TTr\_LCNT\_d\_c]]* |

**TỜ TRÌNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu   
các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN** **“[[DuAn]]”**

Kính gửi: [[ChuDauTu\_cv]] [[ChuDauTu]]

[[DonViMuaSam]] trình [[ChuDauTu\_cv]] [[ChuDauTu]] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

**I. Mô tả tóm tắt nhiệm vụ KH&CN**

- Tên nhiệm vụ KH&CN: *[[DuAn]];*

- Tổng kinh phí: *[[TongKP]] đồng;*

- Đơn vị chủ trì: *[[ChuTri]];*

- Nguồn vốn: *[[NganSach]];*

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ: *[[ThoiGianThucHien]];*

- Địa điểm, quy mô: *[[ChuTri]], [[ChuDauTu\_dc]];*

- Các thông tin khác (nếu có): *Không.*

**II. Căn cứ pháp lý**

* Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;
* Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
* Thông tư số 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của BQP và Thông tư số 74/2023/TT-BQP ngày 11/10/2023 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;
* Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/04/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
* Công văn số 314/TTNĐVN-HCKT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Phòng Hậu cần – Kỹ thuật về việc thống nhất nội dung thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
* Quyết định số [[QD\_KP\_so]] ngày [[QD\_KP\_d]] của [[CQ\_ChuQuan]] [[QD\_KP\_nd]];
* Quyết định số [[QD\_Pbo\_so]] ngày [[QD\_Pbo\_d]] của [[ChuDauTu]] về việc phê duyệt giao Dự toán ngân sách năm.

**III. Phần công việc đã thực hiện**

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc hoặc tên gói thầu** | **Đơn vị thực hiện** | **Giá trị** | | **Văn bản phê duyệt** | |
|  |  |  |  | |  | |
| Tổng giá trị: **0** **đ** [Kết chuyển sang bảng số 5] | | | |  | |  |

**IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu:**

**Bảng số 2**

[[Bang2\_KoDauThau]]

Tổng giá trị: **[[KP\_K\_DT]] đ** [Kết chuyển sang bảng số 5]

*[[KP\_K\_DT\_c]]*

**Giải trình các nội dung:** [[BangGiaiTrinh]]

**V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

**1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**Bảng số 3**

[[Bang3\_DauThau]]

Tổng giá trị: **[[KP\_DT]] đ** [Kết chuyển sang bảng số 5]

*[[KP\_DT\_c]]*

*Ghi chú:*

*(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.*

*(2) Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.*

*(3) Ghi tên gói thầu vào cột “Tên gói thầu”; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột “Tóm tắt công việc chính của gói thầu”.*

*Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.*

*(4) Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(5) Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(6)**Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II và khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu, Mục 2, Mục 3 Chương VII Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.*

*Đối với gói thầu chỉ định thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.*

*Trường hợp hình thành dự án đầu tư đối với dự toán mua sắm theo Mục I (Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm) và gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu (từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng) thì ghi “chỉ định thầu rút gọn” vào Mục này nếu đề xuất áp dụng quy trình rút gọn; ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này nếu đề xuất áp dụng quy trình thông thường.*

*Đối với chào giá trực tuyến, ghi rõ chào giá trực tuyến thông thường hoặc chào giá trực tuyến rút gọn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân, ghi rõ lựa chọn tư vấn cá nhân thông thường hoặc lựa chọn tư vấn cá nhân quy trình rút gọn theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.*

*(7)**Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Đấu thầu. Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ chỉ được áp dụng đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ căn cứ quy định quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu; đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.*

*Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì không ghi nội dung này.*

*(8)**Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định. Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.*

*Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định).*

*Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.*

*(9) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(10) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu.*

*(11)**Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.*

*Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.*

*(12) Tùy chọn mua thêm chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm rộng rãi, đàm phán giá và thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu Trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi rõ khối lượng, số lượng có thể mua bổ sung theo tỷ lệ phần trăm so với khối lượng tương ứng của hợp đồng nhưng bảo đảm không vượt 30%; nêu giá trị ước tính tương ứng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi “không áp dụng”.*

*(13)**Đối với gói thầu được đề xuất áp dụng giám sát, ghi rõ cá nhân, đơn vị được đề xuất thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ. Đối với gói thầu không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu thì để trống nội dung này.*

*Đối với gói thầu có giá dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư đề xuất người có thẩm quyền áp dụng hoặc không áp dụng việc chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này. Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp này căn cứ ghi chú (6).*

**2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

a)Cơ sở phân chia các gói thầu:

*+ Căn cứ vào nội dung Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt;*

*+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ;*

*+ Nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ;*

*+ Đảm bảo quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện, năng lực của nhà thầu và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước.*

b) Giá gói thầu: *Được xác định dựa trên danh mục, đơn giá được duyệt và phân chia theo lĩnh vực mua sắm hàng hoá, dịch vụ phi tư vấn theo tính chất từng nội dung chi tiêu tại Thuyết minh nhiệm vụ đã được [[CQ\_ChuQuan]] theo Quyết định số [[QD\_KP\_so]] ngày [[QD\_KP\_d]].*

c) Nguồn vốn: *[[NganSach]] theo [[QD\_KP\_so]] ngày [[QD\_KP\_d]] của [[CQ\_ChuQuan]], đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật Đấu thầu và các quy định khác có liên quan.*

d)Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: *Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 39 Luật Đấu thầu.*

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: *Căn cứ Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt.*

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: *[[BangBatDauLCNT]].*

f) Loại hợp đồng: *Trọn gói,* *theo Khoản 6 Điều 39 Luật Đấu thầu.*

g) Thời gian thực hiện các gói thầu: *[[BangThoiGianGT]].*

i) Tùy chọn mua thêm: *[[BangMuaThem]].*

k) Giám sát hoạt động đấu thầu: *[[BangGiamSat]].*

**VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

**Bảng số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị (đồng)** |
| **Tổng giá trị:**  [Kết chuyển sang bảng số 5] | | **0** |

**VII. TỔNG HỢP GIÁ TRỊ CỦA CÁC PHẦN CÔNG VIỆC:**

**Bảng số 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị (đồng)** |
| 1 | Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện | 0 |
| 2 | Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu | [[KP\_K\_DT]] |
| 3 | Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu | [[KP\_DT]] |
| 4 | Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu | 0 |
| **Tổng giá trị các phần công việc (1+2+3+4):** | | **[[TongKP]]** |
| **Tổng dự toán mua sắm:** | | **[[KP\_DT]]** |

(chi tiết tại Phục lục III, IV kèm theo)

**VIII. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [[DonViMuaSam]] đề nghị [[ChuDauTu\_cv]] [[ChuDauTu]] phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”.

Kính trình [[ChuDauTu\_cv]] [[ChuDauTu]] xem xét, quyết định./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nơi nhận:**   * Như trên; * Ban: TC, HC-KT; * Lưu: VT, [[DonViMuaSam\_t]]. V06. |  | **Trưởng [[DonViMuaSam]]** |
|  |  | **[[DonViMuaSam\_CH]]** |

**Phụ lục 1**

**DANH MỤC HÀNG HOÁ**

**Các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”**

*(Kèm theo Tờ trình [[TTr\_LCNT\_d\_c]])*

**Gói thầu số 1: Mua hóa chất.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đặc tính kỹ thuật** |
| 1 | Monoethylen glycol, Nguồn gốc, xuất xứ: Malaysia,  Mã code: 29053100. | phuy | 29 | - Ngoại quan: chất lỏng không màu; - Độ tinh khiết ≥ 99%;  - Quy cách: Phuy 225 kg. |
| ***(Tổng cộng 33 danh mục hàng hoá./.)*** | | | | |

**Phụ lục 3**

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

**Các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”**

*(Kèm theo Tờ trình [[TTr\_LCNT\_d\_c]])*

[[Bang3\_DauThau]]

**Tổng giá gói thầu: [[KP\_DT]] đ**

*[[KP\_DT\_c]]*

**Phụ lục 4**

**BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT**

*(Kèm theo Tờ trình [[TTr\_LCNT\_d\_c]])*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| 1 | *Văn bản phê duyệt nhiệm vụ:*  Quyết định số [[QD\_KP\_so]] ngày [[QD\_KP\_d]] của [[CQ\_ChuQuan]] [[QD\_KP\_nd]]. | Bản chụp |
| 2 | *Văn bản phê duyệt nguồn vốn:*  Quyết định số [[QD\_Pbo\_so]] ngày [[QD\_Pbo\_d]] của [[ChuDauTu]] về việc phê duyệt giao Dự toán ngân sách năm. | Bản chụp |